

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN – ĐIỆN LỰC 3

Trụ sở chính: Thôn Nhà Đền, Xã Ea Pô, Huyện Cư Jút, Tỉnh Đắk Nông, Việt Nam

Điện thoại: 0501 3684 888 Fax: 0501 3684 666

Website: www.pc3hp.com.vn - Email: thuydiendl3@gmail.com

CÔNG TY CỔ PHẦN
THỦY ĐIỆN – ĐIỆN LỰC 3

BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN



PC3 HP.Co

2016



THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát
Quá trình hình thành và phát triển
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
Sơ đồ tổ chức
Định hướng phát triển
Các rủi ro

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình sản xuất kinh doanh
Tổ chức và nhân sự
Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án
Tình hình tài chính
Thông tin cổ đông
Phát triển bền vững

BÁO CÁO BAN GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
Tình hình tài chính
Các cải tiến trong năm
Kế hoạch phát triển

BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá các mặt hoạt động của Công ty
Đánh giá hoạt động của Ban Giám đốc
Kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị
Ban kiểm soát
Giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BKH và BKS

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2016

Ý kiến của Cơ quan kiểm toán
Báo cáo tài chính và Thuyết minh Báo cáo tài chính



THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát

Quá trình hình thành và phát triển

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Sơ đồ tổ chức

Định hướng phát triển

Các rủi ro





THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên công ty: Công ty Cổ phần Thủy điện – Điện lực 3

Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Thủy điện – Điện lực 3

Tên Tiếng Anh: HYDRO POWER JOINT STOCK COMPANY - POWER NO.3

Mã cổ phiếu: DRL

Vốn điều lệ: 95.000.000.000 đồng

Vốn chủ sở hữu: 129.730.350.702 đồng

Trụ sở chính: Thôn Nhà Đền, Xã Ea Pô, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông

Điện thoại: 0501 3684 888

Fax: 0501 3684 666

Email: thuydiendl3@gmail.com

Website: www.pc3hp.com.vn

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: số 0400456277 thay đổi lần thứ 04 vào ngày 17/12/2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Nông cấp.

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

20/11/2003	CTCP Thủy điện - Điện lực 3 được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3203000163 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 20/11/2003 với số vốn điều lệ đăng ký ban đầu là 95 tỷ đồng
16/12/2003	Hội đồng quản trị Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (Nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam) có Quyết định số 418/QĐ-EVN-HĐQT, về việc chuyển giao công trình thủy điện Đrây H'Linh 2 sang cho Công ty Cổ phần Thủy điện - Điện lực 3
03/02/2004	Công ty Cổ phần Thủy điện - Điện lực 3 làm chủ đầu tư công trình Nhà máy Thủy điện Đrây H'Linh 2 theo văn bản số 411/CV-NLĐK của Bộ Công nghiệp
11/2006	Tổ máy số 1 nhà máy Thủy điện Đrây H'Linh 2 chính thức vận hành phát điện thương mại hòa vào lưới điện quốc gia
01/2007	Nhà máy Thủy điện Đrây H'linh 2 chính thức vận hành phát điện thương mại với 2 tổ máy có tổng công suất là 16 MW
07/07/2008	Hoàn thành việc di chuyển và đăng ký trụ sở chính của Công ty đến địa điểm mới tại xã Ea Pô, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông, và được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Nông cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 3 số 6303000078, với số vốn điều lệ vẫn là 95 tỷ đồng
11/04/2012	Cổ phiếu của công ty chính thức được giao dịch trên sàn giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu là DRL
17/04/2013	Bầu Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2013-2018
17/12/2014	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0400456277 thay đổi lần thứ 04 vào ngày 17/12/2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Nông cấp

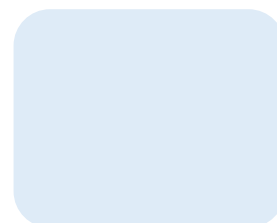
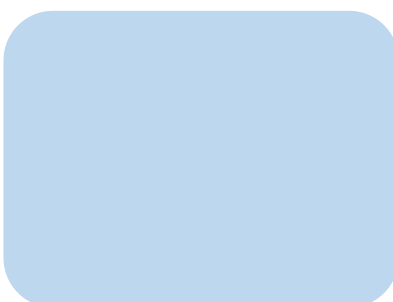
NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Hiện nay Công ty cổ phần Thủy điện – Điện lực 3 đang hoạt động trong các lĩnh vực chính như sau:

- Xây dựng các công trình đường dây, trạm biến thế điện;
- Đầu tư xây dựng các dự án điện;
- Sản xuất và kinh doanh điện năng;
- Xây dựng các công trình thủy lợi, công trình dân dụng, công nghiệp;
- Đầu tư xây dựng các dự án thủy điện;
- Tư vấn các công trình điện.

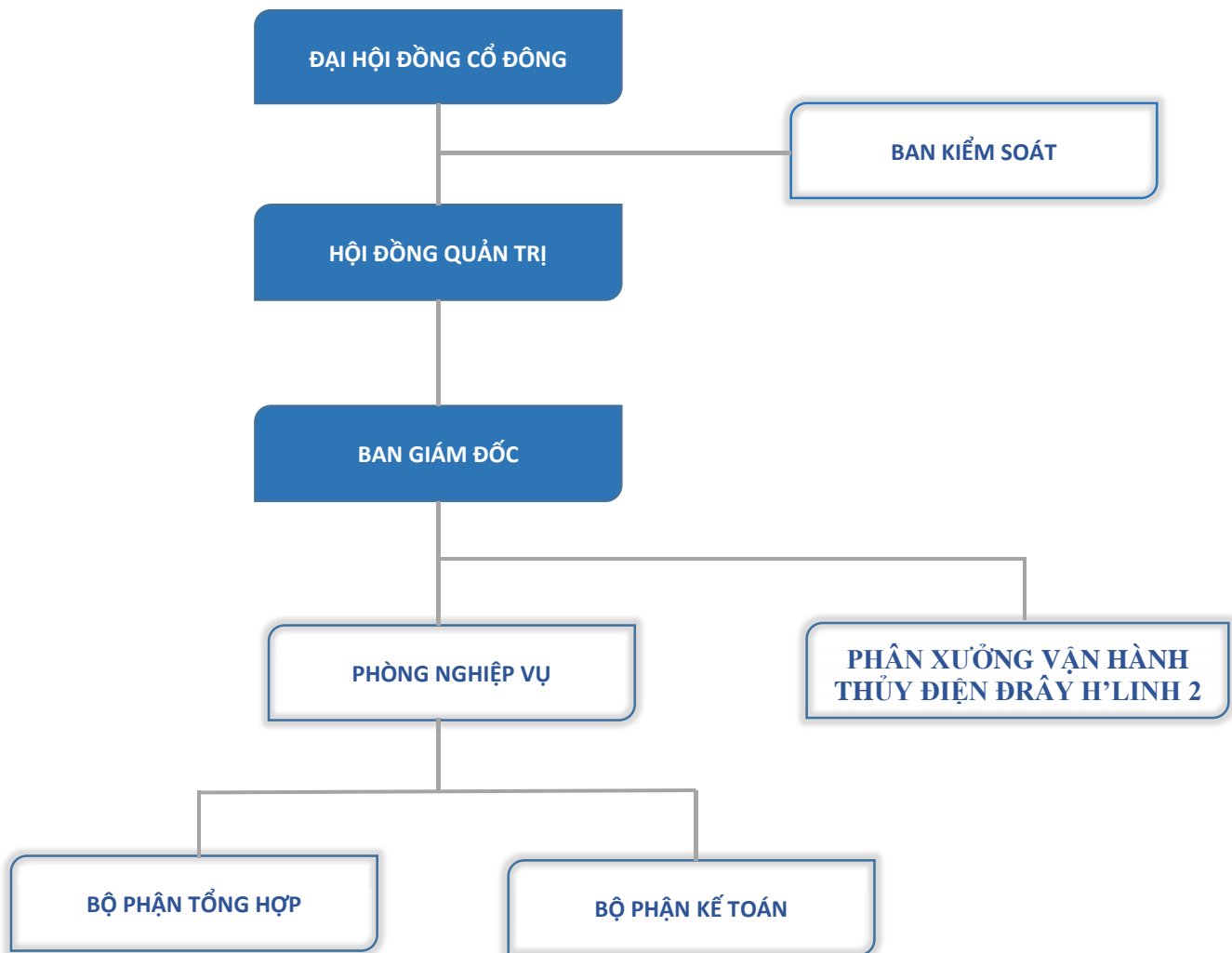
ĐỊA BÀN KINH DOANH

Khu vực tỉnh Đắk Nông và tỉnh Đắk Lắk

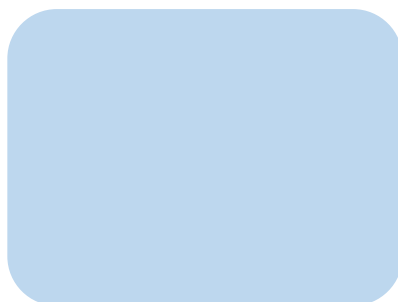
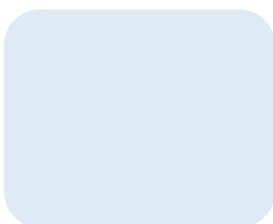


SƠ ĐỒ TỔ CHỨC

Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty được tổ chức theo mô hình công ty cổ phần. Công ty được tổ chức gọn nhẹ để giảm thiểu và triệt tiêu những lãng phí không cần thiết, và hướng đến hiệu quả cao nhất cho cổ đông.



Công ty con, công ty liên kết: Không có



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN



Các mục tiêu chiến lược của Công ty

Nhiệm vụ sản xuất kinh doanh chính của Công ty hiện nay là tập trung vào công tác vận hành kinh doanh Nhà máy Thủy điện Đrây H'Linh 2 một cách an toàn và hiệu quả, phấn đấu hoàn thành vượt mức kế hoạch sản lượng điện thương phẩm theo kế hoạch hàng năm đề ra.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Hiện tại, Công ty chưa triển khai đầu tư cho nghiên cứu và phát triển sản phẩm, dịch vụ mới ngoài sản xuất kinh doanh điện năng. Tuy nhiên trong tương lai gần, để khai thác tốt các tiềm năng vật chất, tài chính và nhân sự của Công ty, HĐQT đã giao cho Giám đốc tìm kiếm cơ hội đầu tư kinh doanh có hiệu quả theo các ngành nghề kinh doanh đã đăng ký, nhưng trước mắt và chủ yếu là tập trung phát triển ngành nghề cốt lõi: Đầu tư và xây dựng, sản xuất kinh doanh điện năng thủy điện, cụ thể là tìm kiếm các dự án thủy điện hiệu quả trên địa bàn các tỉnh Tây Nguyên để đầu tư nhằm mục đích mở rộng phát triển Công ty.

Công ty có kế hoạch nghiên cứu đầu tư vào các dự án điện mặt trời tại khu vực Ea Suop, tỉnh Đắk Lắk và nghiên cứu đàm phán mua cổ phần chi phối của Công ty cổ phần Điện Tam Long nếu Công ty này có kế hoạch bán 51% Vốn điều lệ.

Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty

Thời gian qua Công ty đã thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường thể hiện qua đề án bảo vệ môi trường chi tiết đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường phê duyệt tại Quyết định số 175/QĐ-BTNMT ngày 07/03/2013. Trong thời gian tới Công ty sẽ thực hiện nghiêm túc chương trình giám sát và quản lý môi trường; thu gom, vận chuyển và xử lý toàn bộ chất thải nguy hại; xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố và chuẩn bị các điều kiện cần thiết để kịp thời triển khai nhằm giảm thiểu thiệt hại đến đời sống cộng đồng và môi trường tự nhiên.



CÁC RỦI RO

Rủi ro kinh tế

Theo Tổng cục thống kê, tốc độ tăng trưởng GDP năm nay tuy thấp hơn mức tăng 6,68% của năm 2015 và không đạt mục tiêu tăng trưởng là 6,7% đã đề ra nhưng trong bối cảnh kinh tế thế giới không thuận, trong nước gặp nhiều khó khăn thì con số đạt được như trên vẫn được xem như một thành tích đáng khích lệ. Cũng như các ngành nghề khác, ngành điện chịu sự ảnh hưởng từ sự điều chỉnh của nền kinh tế vì điện là đầu vào của hầu hết các ngành nghề. Sự phát triển hay suy thoái của nền kinh tế ảnh hưởng trực tiếp đến nhu cầu sử dụng điện năng. Tuy nhiên, đối với một nền kinh tế đang phát triển như Việt Nam, xu thế trong những năm gần đây, và dự báo trong giai đoạn sắp tới, sức cầu nguồn điện năng vẫn luôn vượt xa sức cung, mở ra tiềm năng lớn cho các doanh nghiệp sản xuất điện. Bên cạnh đó, điện là sản phẩm thiết yếu nên luôn được sự quan tâm của chính sách Nhà nước, vì thế mức độ chịu ảnh hưởng từ các yếu tố kinh tế của các doanh nghiệp ngành điện phần nào được giảm bớt so với các ngành nghề khác.



Rủi ro luật pháp

Hoạt động của Công ty chịu sự ảnh hưởng của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản luật liên quan. Trong quá trình sửa đổi và hoàn thiện, sự thay đổi về mặt chính sách, pháp luật sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của Công ty. Với sự thay đổi của Luật Doanh nghiệp năm 2014, các văn bản pháp quy liên quan đều lần lượt điều chỉnh và thay đổi. Bên cạnh đó, các quy định liên quan đến quản trị Công ty đại chúng đều đang giai đoạn ban hành dự thảo sửa đổi, đòi hỏi Công ty phải luôn theo dõi, cập nhật tình hình để kịp thời có những thay đổi phù hợp. Mặt khác, rủi ro về luật pháp đối với hoạt động sản xuất kinh doanh ngành điện được đánh giá là không cao bởi đây là ngành được Nhà nước khuyến khích đầu tư, nên nhiều khả năng có những thay đổi về pháp lý theo hướng có lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần Thủy điện - Điện lực 3.

Rủi ro khác

Các rủi ro khác như chiến tranh, thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh,... là những rủi ro bất khả kháng, mặc dù rất hiếm khi xảy ra, nhưng nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn về tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty. Đây là rủi ro không thể loại trừ nhưng có thể giảm thiểu. Vì vậy công ty thường xuyên theo dõi và nắm bắt các thông tin nhằm kịp thời đưa ra các biện pháp phòng tránh và xử lý, đồng thời luôn nghiêm túc tuân thủ các quy định, thường xuyên huấn luyện về phòng chống cháy nổ, an toàn lao động...



Rủi ro đặc thù về ngành sản xuất kinh doanh thủy điện

Rủi ro về điều kiện thời tiết là rủi ro chủ yếu và có ảnh hưởng lớn nhất tới các công ty hoạt động trong lĩnh vực thủy điện. Sản lượng và hiệu quả của nhà máy thủy điện phụ thuộc chính vào nguồn năng lượng nước có khả năng tái tạo, dự trữ.

Trong trường hợp hạn hán kéo dài, lượng mưa giảm cả trong mùa mưa, làm lượng nước tích trong hồ chứa thấp hơn so với năng lực thiết kế, ảnh hưởng lớn tới sản lượng điện sản xuất của nhà máy. Ngoài ra, các thiên tai khác như lũ quét và mưa lớn có thể gây thiệt hại về đường sá và các công trình đê đập của nhà máy, gây ra sự cố trong việc phát điện và tăng chi phí sửa chữa. Tình hình cung ứng điện thay đổi theo mùa khô và mùa mưa, tác động đến kết quả kinh doanh của Công ty. Vì vậy, rủi ro về thời tiết vẫn tồn tại trong toàn bộ thời gian hoạt động của Công ty.

Công ty luôn cố gắng theo sát những dự báo khí hậu và thủy văn để có những phương án dự phòng vận hành lòng hồ, điều độ máy móc, nhân lực để vận hành nhà máy đạt công suất cao nhất có thể và đảm bảo mức tiêu hao nước/1kWh là thấp nhất. Ngoài ra, Công ty cũng chuẩn bị những phương án phòng chống bão lụt, giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai gây ra đối với các công trình đê đập, đường dây truyền tải điện của nhà máy và thực thi các biện pháp bảo vệ môi trường sinh thái.





Rủi ro về biến động giá bán điện

Năm 2008, Bộ Công thương đã ban hành Quyết định số 18/2008/QĐ-BCT, ngày 18/07/2008, ban hành Quy định về biểu giá chi phí tránh được và hợp đồng mua bán điện mẫu áp dụng cho các nhà máy điện nhỏ sử dụng năng lượng tái tạo.

Với đặc thù của ngành sản xuất điện năng, mức phí bán điện sẽ do cơ quan Nhà nước quản lý và phê duyệt. Tuy giá bán điện chịu sự quản lý gắt gao nhưng bù lại các hợp đồng mua bán điện được ký trong khoảng thời gian dài sẽ đảm bảo được đầu ra sản phẩm và phần nào giữ ổn định doanh thu của Công ty qua các năm. Bên cạnh đó, Công ty vẫn có khả năng đàm phán điều chỉnh giá bán điện trong trường hợp các khoản chi phí đầu vào của Công ty tăng lên, ảnh hưởng trực tiếp đến giá thành tạo ra sản phẩm là nguồn điện năng.

Năm 2011, Công ty đã thực hiện việc ký kết hợp đồng với bên mua điện là Tổng Công ty Điện lực Miền Trung theo biểu giá chi phí tránh được do Cục Điều tiết ban hành hàng năm. Từ khi áp dụng biểu giá chi phí tránh được đến nay thì giá bán điện trung bình hàng năm của Công ty được điều chỉnh tăng từ 5 - 15%. Việc tăng giá bán điện của Cục Điều tiết dẫn tới ảnh hưởng có lợi về giá bán điện của Công ty.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình sản xuất kinh doanh

Tổ chức và nhân sự

Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án

Tình hình tài chính

Thông tin cổ đông

Phát triển bền vững





TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2015	TH 2016	TH 2016/ TH 2015
1	Sản lượng điện thương phẩm	kWh	53.838.870	59.489.707	110,50%
2	Tổng doanh thu	Đồng	65.555.917.904	66.354.211.366	101,22%
3	Tổng chi phí	Đồng	28.684.680.131	29.805.942.694	103,91%
4	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	36.871.237.773	36.548.268.672	99,12%
5	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	34.659.980.905	34.344.187.900	99,09%
6	Lợi nhuận cơ bản trên cổ phiếu (EPS)	Đồng/ Cổ phần	3.429	3.402	99,21%

Năm 2016 là năm đặc biệt khó khăn cho công tác sản xuất kinh doanh thủy điện của Công ty, do thời tiết khô hạn kéo dài hơn nửa năm đầu 2016, đồng thời công tác khắc phục nút trục chính tổ máy số 1 nhà máy thủy điện Đrây H'linh 2 cũng mất khá nhiều thời gian (5 tháng) mới đưa tổ máy vào vận hành được.

Tuy nhiên được sự quan tâm chỉ đạo sát sao và kịp thời của Hội đồng quản trị, sự nỗ lực của Ban Giám đốc cùng toàn thể CBCNV công ty đối với việc chủ động trong công tác sửa chữa, khắc phục sự cố, giảm chi phí đại tu và sửa chữa định kỳ, đồng thời tranh thủ tận dụng nguồn nước để vận hành hiệu quả nhà máy.

Tổng sản lượng điện thương phẩm năm 2016 đạt 59,5 triệu kWh, tăng 10,50% so với năm 2015. Tổng doanh thu tăng 1,22% so với cùng kỳ tuy nhiên vẫn chưa đủ để bù lại khoản tăng chi phí trong năm. Chi phí cho việc sửa chữa và khắc phục nút trục chính tổ máy số 1 tại nhà máy thủy điện Đrây H'linh 2 và thuế suất thuế tài nguyên nước tăng từ 4% lên 5% góp phần làm cho tổng chi phí tăng 3,91% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận trước thuế, lợi nhuận sau thuế và EPS của Công ty đạt mức xấp xỉ 99% so với kết quả trong năm 2015.





TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

Ông LÊ KIM HÙNG

Chủ tịch HĐQT

Năm sinh: 1956

Nguyên quán: TP. Đà Nẵng

Trình độ văn hóa: Đại học

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện

- ☞ Từ 1975-1980: Bộ đội Viện quân y 17 Quân Khu 5
- ☞ Từ 1980-1981: Học văn hóa Trường văn hóa Quân khu 5
- ☞ Từ 1981-1986: Học trường Đại học bách khoa Đà Nẵng
- ☞ Từ 1986-1990: Công tác tại Xí nghiệp chế biến gỗ Hòa Vang, Đà Nẵng
- ☞ Từ 1990 đến 8/2016: làm Chuyên viên, Phó Trưởng phòng, Trưởng phòng, Phó Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Điện lực Miền Trung
- ☞ 8/2016 đến nay: nghỉ hưu

Ông NGUYỄN SƠN

Thành viên HĐQT

Năm sinh: 1960

Nguyên quán: Thừa Thiên - Huế

Trình độ văn hóa: Đại học

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí

- ☞ Từ 1985 - 1988: Kỹ sư giám sát tại Ban quản lý công trình thủy điện Đrây H'linh
- ☞ Từ 1989 - 1990: Phó phòng Kế hoạch Vật tư - Ban quản lý công trình thủy điện Đrây H'linh
- ☞ Từ 1991 - 2003: Trưởng phòng Vật tư Vận tải – Điện lực Đắk Lắk
- ☞ Từ 2003 - 2005: Quản đốc phân xưởng thủy điện – Điện lực Đắk Lắk
- ☞ Từ 2005 - 2007: Phó Giám đốc Công ty CP Thủy điện - Điện lực 3
- ☞ Từ tháng 10/2007 đến nay: Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện - Điện lực 3

Ông NGUYỄN MINH TIẾN

Thành viên HĐQT

Năm sinh: 1950

Nguyên quán: Quảng Trị

Trình độ văn hóa: Đại học

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí

- ☞ Từ 1972-1975: Tham gia Quân đội
- ☞ Từ 1975-1978: Học Đại học Bách khoa
- ☞ Từ 1978-2010: Công tác tại Công ty Điện lực 3, Chức vụ: Phó Giám đốc
- ☞ Từ 2010 đến nay: Nghỉ hưu

Ông NGUYỄN VĂN ĐỨC

Thành viên HĐQT

Năm sinh: 1963

Nguyên quán: Quảng Bình

Trình độ văn hóa: Đại học

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện

- ☞ Từ 1986 - 1990: Công tác tại Ban QLDA thủy điện Đrây Hlinh, chuyên viên Phòng Kỹ thuật.
- ☞ Từ 1990 - 1993: Công tác tại Nhà máy thủy điện Đrây Hlinh, CV Phòng Kỹ thuật
- ☞ Từ 1994 - 2003: Công tác tại Điện lực Đắk Lắk, CV Phòng Kỹ thuật
- ☞ Từ 4/2003 - 12/2006: Công tác tại Ban QLDA Năng lượng nông thôn khu vực miền Trung, Phó phòng Kỹ thuật
- ☞ Từ 2007 - 2010: Công tác tại Công ty Điện lực 3, Phó phòng Kỹ thuật
- ☞ Từ 2010 - nay: Công tác tại Tổng Công ty Điện lực Miền Trung, Trưởng Ban Kỹ thuật

Ông NGUYỄN ĐỨC TRỌNG

Thành viên HĐQT

Năm sinh: 1952

Nguyên quán: Phú Thọ

Trình độ văn hóa: Đại học

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện

- ☞ Từ 1969 - 1970 Học đại học Cơ điện Bắc Thái
- ☞ Từ 1970 - 1975 Đi bộ đội (Hạ sỹ quan)
- ☞ Từ 1975 - 1980 Học đại học Kỹ thuật Công nghiệp Việt Bắc
- ☞ Từ 1981 - 1987 Kỹ sư làm việc tại Đài Hoa Sen 1 Tổng cục Bưu điện
- ☞ Từ 1987 - 2012 Làm việc tại Công ty Điện lực Đắk Lắk, Chức vụ: Giám đốc
- ☞ Từ tháng 6/2012 đến nay Nghỉ hưu

BAN KIỂM SOÁT

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

<p>Ông TRẦN THANH HÀ <i>Trưởng Ban kiểm soát</i> Năm sinh: 1982 Nguyên quán: Hải Hậu – Nam Định Trình độ văn hóa: 12/12 Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế - Chuyên ngành TC-KT</p>	<ul style="list-style-type: none"> ☞ Từ tháng 04/2007 đến tháng 8/2008: Chuyên viên Phòng tài chính – Công ty điện lực Đắk Nông. Địa chỉ: Thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông. ☞ Từ 09/2008 đến ngày 19/05/2016: Kế toán tổng hợp làm việc tại Công ty Cổ phần Thủy điện - Điện lực 3. Địa chỉ: xã Ea Pô, huyện Cư Jú, tỉnh Đắk Nông. ☞ Từ 20/05/2016 đến nay: Trưởng Ban Kiểm soát chuyên trách Công ty CP Thủy điện - Điện lực 3.
<p>Ông HỒ THẮNG THU <i>Kiểm soát viên</i> Năm sinh: 1968 Nguyên quán: Đà Nẵng Trình độ văn hóa: Đại học Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh</p>	<ul style="list-style-type: none"> ☞ Từ 1990 - tháng 3/2014: Công tác tại Ban Tài chính kế toán – Tổng Công ty Điện lực Miền Trung ☞ Từ tháng 4/2014 đến nay: Kế toán trưởng Tổng Công ty điện lực Miền Trung.
<p>Bà HOÀNG THỊ THU TRANG <i>Kiểm soát viên</i> Năm sinh: 1980 Nguyên quán: Hải Hậu – Nam Định Trình độ văn hóa: 12/12 Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế - Chuyên ngành Kế toán – kiểm toán</p>	<ul style="list-style-type: none"> ☞ Từ 1998 đến 2002: Sinh viên Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh; Chuyên ngành: Kế toán-Kiểm toán ☞ Từ 2002 đến 2006: Kiểm toán viên thuộc Phòng Kiểm toán Doanh nghiệp 3 Công ty Kiểm toán & Dịch vụ tin học (AISC); Địa chỉ: số 142 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh ☞ Từ 2007 đến nay : Chuyên viên thuộc Phòng Tài chính Kế toán Công ty Điện lực Đak Lak; Địa chỉ: số 02 Lê Duẩn, TP. Buôn Ma Thuột, Đak Lak.

BAN ĐIỀU HÀNH

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

<p>Ông NGUYỄN SƠN <i>Giám đốc</i></p>	<p>Xem tại Lý lịch Hội đồng quản trị</p>
<p>Ông VÕ ĐÌNH THANH TUẤN <i>Phó Giám đốc</i> Năm sinh: 1978 Nguyên quán: Quảng Ngãi Trình độ văn hóa: Đại học Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện</p>	<ul style="list-style-type: none"> ☞ Từ năm 1995 - 2000: Sinh viên trường Đại học SPKT TP Hồ Chí Minh ☞ Từ năm 2000 - 2005: Công tác tại PX Thủy điện - Điện lực Đắk Lắk ☞ Từ năm 2005 - 2008: Chuyên viên phòng KHKT Công ty Cp Thủy điện - Điện lực 3 ☞ Từ năm 2008 đến nay: Quản đốc Phân xưởng vận hành, Công ty Cp Thủy điện - Điện lực 3 ☞ Từ Ngày 01/02/2015: bổ nhiệm làm Phó Giám đốc Công ty Cp Thủy điện - Điện lực 3
<p>Ông PHẠM ĐỨC HÙNG <i>Kế Toán trưởng kiêm</i> Năm sinh: 1965 Nguyên quán: Hưng Yên Trình độ văn hóa: Đại học Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế</p>	<ul style="list-style-type: none"> ☞ Từ 1983 - 2004 Công tác tại Điện lực Đắk Lắk, Phó TP Kế toán ☞ Từ 2004 - 2008 Công tác tại Điện lực Đắk Nông, Trưởng phòng Kế toán ☞ Từ 2008 - 2011 Công tác tại Công ty cổ phần Thủy điện - Điện lực 3, Trưởng phòng Nghiệp vụ ☞ Từ 2011 đến nay Công tác tại Công ty cổ phần Thủy điện - Điện lực 3, Kế Toán trưởng kiêm Trưởng phòng Nghiệp vụ



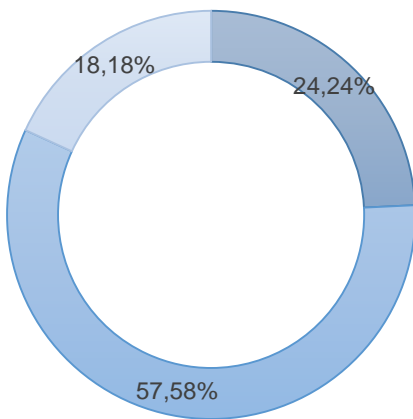
Số lượng lao động

STT	Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
I	Theo trình độ lao động	33	100
2	Trình độ đại học và trên Đại học	8	24,24%
3	Cao đẳng, Công nhân kỹ thuật	19	57,58%
4	Lao động phổ thông	6	18,18%
II	Theo giới tính	33	100,00%
1	Nam	31	93,94%
2	Nữ	2	6,06%
III	Theo đối tượng lao động	33	100,00%
1	Lao động sản xuất điện	19	57,58%
2	Lao động phụ trợ, quản lý	14	42,42%

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016
Tổng số lượng cán bộ/ nhân viên	Người	32	32	33
Thu nhập bình quân	Đồng/người/tháng	12.940.000	13.445.000	16.280.000

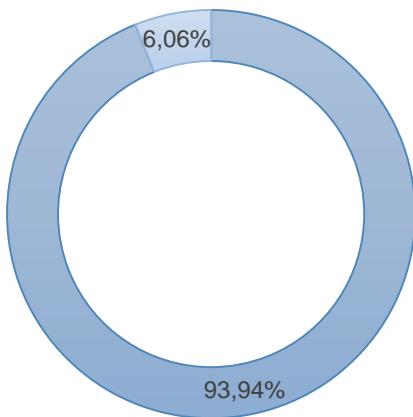


Trình độ lao động



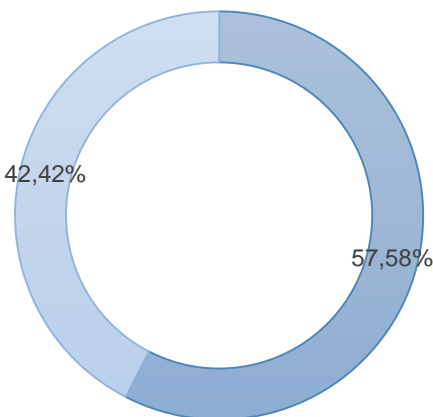
- Đại học và trên Đại học
- Cao đẳng, Công nhân kỹ thuật
- Lao động phổ thông

Giới tính



- Nam
- Nữ

Đối tượng lao động



- Lao động sản xuất điện
- Lao động phụ trợ, quản lý

CHÍNH SÁCH LAO ĐỘNG

Về tuyển dụng

Công ty luôn đề cao năng lực của mỗi nhân viên và chào đón các ứng viên muốn gắn bó lâu dài với Công ty, có phong cách làm việc chuyên nghiệp và năng động. Do đó, để thu hút nhân tài và tạo nên sự gắn kết lâu dài của cán bộ công nhân viên, giữ chân người lao động có chuyên môn cao phục vụ lâu dài cho Công ty, Ban điều hành đã đề ra các chính sách lương, thưởng rõ ràng, công khai và đặc biệt đối với các nhân viên xuất sắc, nhiều kinh nghiệm về lĩnh vực mà họ đang phụ trách.

Môi trường công việc

Công ty luôn cố gắng tạo một môi trường làm việc hiện đại, năng động, thân thiện và cân bằng cho cán bộ công nhân viên. Tất cả nhân viên làm việc tại Công ty cổ phần Thủy điện – Điện lực 3 đều được tạo cơ hội để phát huy tối đa khả năng của bản thân đồng thời phát triển, mở rộng vốn kiến thức hiểu biết. Những đóng góp, chia sẻ và cống hiến về sức lực và trí tuệ luôn được ghi nhận và đánh giá kịp thời.

Về lương, thưởng, phúc lợi, đãi ngộ

Công ty áp dụng cơ chế trả lương tương xứng với mức độ cống hiến và năng lực cạnh tranh của cá nhân. Bên cạnh đó, Công ty còn chú trọng xây dựng các chế độ đãi ngộ, phúc lợi linh hoạt, phù hợp với từng giai đoạn, đảm bảo sự công bằng và hài lòng cho nhân viên. Các chế độ, chính sách đối với người lao động được quy định trong Thỏa ước lao động tập thể như các chế độ BHXH, BHYT, bảo hiểm tai nạn, chế độ nghỉ dưỡng, phụ cấp thâm niên, trang bị đồng phục, hỗ trợ nghỉ việc, hưu trí,... đều thực hiện đầy đủ cho người lao động.

Về đào tạo

Công ty rất coi trọng công tác đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn của cán bộ công nhân viên, thường xuyên tổ chức cho cán bộ, nhân viên các bộ phận tham gia các lớp tập huấn nghiệp vụ... Bên cạnh đó, chất lượng của đội ngũ quản lý được chú trọng nâng cao bằng nhiều chương trình đào tạo cơ bản và thực tế bằng nhiều hình thức.



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ

Các khoản đầu tư lớn trong năm Không có

Các dự án lớn trong năm Không có

Công ty con, Công ty liên kết Không có

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2015	Năm 2016	Tỷ lệ 2016 so với 2015
1	Tổng giá trị tài sản	Đồng	133.783.501.086	135.612.587.627	101,37%
2	Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	Đồng	63.245.953.660	63.973.017.608	101,15%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Đồng	36.808.324.715	36.548.268.672	99,29%
4	Lợi nhuận khác	Đồng	62.913.058	-	-
5	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	36.871.237.773	36.548.268.672	99,12%
6	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	34.659.980.905	34.344.187.900	99,09%
7	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Đồng/cổ phiếu	3.429	3.402	99,21%



CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2015	Năm 2016
I	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
-	Khả năng thanh toán ngắn hạn	lần	2,94	14,16
-	Khả năng thanh toán nhanh	lần	2,90	14,02
II	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
-	Hệ số nợ/ Tổng tài sản	%	18,67	4,34
-	Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu	%	22,95	4,53
III	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
-	Vòng quay hàng tồn kho	vòng	25,65	31,77
-	Vòng quay tổng tài sản	vòng	0,47	0,47
IV	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
-	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	54,80	53,69%
-	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu bình quân	%	31,75	28,80%
-	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản bình quân	%	25,52	25,33%
-	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	58,20	57,13%



THÔNG TIN CỔ ĐÔNG

Thông tin cổ phiếu

- 🔑 **Tổng số cổ phần phát hành:** 9.500.000 cổ phần
 - **Tổng số cổ phần đang lưu hành:** 9.500.000 cổ phần
 - **Cổ phiếu quỹ:** 0 cổ phần
- 🔑 **Loại cổ phần:** cổ phiếu phổ thông
- 🔑 **Mệnh giá:** 10.000 đồng/cổ phần

Cơ cấu cổ đông

(tính đến ngày 03/01/2017)

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu (%)
I	Cổ đông trong nước	1.948	9.468.450	94.684.500.000	99,67%
1	Cổ đông Nhà nước	1	2.890.000	28.900.000.000	30,42%
2	Cổ đông tổ chức	1	1.058	10.580.000	0,01%
3	Cổ đông cá nhân	1.946	6.577.392	65.773.920.000	69,24%
II	Cổ đông nước ngoài	10	31.550	315.500.000	0,33%
1	Cổ đông tổ chức	2	12.590	125.900.000	0,13%
2	Cổ đông cá nhân	8	18.960	189.600.000	0,20%
III	Cổ phiếu quỹ	-	-	-	-
	Tổng cộng	1.958	9.500.000	95.000.000.000	100%

Danh sách cổ đông lớn

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số lượng (cổ phần)	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)
1	Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	78A Duy Tân, TP Đà Nẵng	2.890.000	28.900.000.000	30,42%

(Đến ngày 03/01/2017)

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu Không có.

Giao dịch cổ phiếu quỹ Trong năm Công ty không có giao dịch cổ phiếu quỹ.

Các chứng khoán khác Không có.

Sở hữu của cổ đông nội bộ và người có liên quan

(Tính đến ngày 03/01/2017)

Đối tượng	Họ và tên – Chức vụ	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Ghi chú
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	Ông Lê Kim Hùng - Chủ tịch	10.000	0,11	
	Ông Nguyễn Sơn - Thành viên	10.000	0,11	
	Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	578.000	6,08	Đại diện CSH
	Ông Nguyễn Minh Tiến - Thành viên	21.260	0,22	
	Bà Phạm Thị Bích Nhung	44.090	0,46	Vợ
	Ông Nguyễn Văn Đức - Thành viên	5.000	0,05	
	Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	2.312.000	24,34	Đại diện CSH
	Ông Nguyễn Đức Trọng - Thành viên	40.000	0,42	
BAN KIỂM SOÁT	Ông Trần Thanh Hà – Trưởng ban	4.650	0,05	
	Ông Hồ Thăng Thu - Thành viên	20.000	0,21	
	Bà Hoàng Thị Thu Trang - Thành viên	10.000	0,11	
BAN ĐIỀU HÀNH	Ông Nguyễn Sơn - Giám đốc	-	-	Phản HĐQT
	Ông Võ Đình Thanh Tuấn - Phó Giám đốc	4.550	0,05	
	Ông Phạm Đức Hùng - Kế toán trưởng	12.600	0,13	





Văn hóa doanh nghiệp

Công ty không ngừng chú trọng đến việc xây dựng văn hóa doanh nghiệp và xem đây là một tài sản lớn vô hình, vô giá của Công ty trong quá trình xây dựng và phát triển bền vững. Công ty duy trì và thực hiện tốt phong trào thi đua lao động giỏi, lao động sáng tạo, phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật,...

Công ty luôn duy trì và phát huy các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao trong doanh nghiệp thông qua các hoạt động phong trào trong Công ty và phong trào “Xanh, sạch đẹp” để giữ được môi trường làm việc lành mạnh, nhằm từng bước nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần cho người lao động. Các hoạt động nhằm gắn kết người lao động trong toàn đơn vị, khích lệ và động viên người lao động phát huy năng khiếu và tạo nên sân chơi sôi nổi, là động lực để mọi người cùng đoàn kết, hăng hái, cùng nhau quyết tâm thực hiện nhiệm vụ chuyên môn.

Đối với xã hội

Công ty có nhiều chính sách phù hợp cho nhân viên của mình (chế độ làm việc, nghỉ phép, lễ, tết đến điều kiện làm việc, chế độ lương thưởng) và cam kết tạo điều kiện cần thiết và thưởng xứng đáng để nhân viên phát huy hết khả năng của mình.

Ngoài việc tạo nhiều việc làm hơn cho mọi người thông qua quá trình tuyển dụng, Công ty còn cố gắng tham gia tài trợ nhiều hoạt động xã hội, từ thiện nhằm cống hiến một phần nhỏ từ hoạt động kinh doanh của mình cho xã hội.

Trong năm 2016, Công ty đã tham gia các công tác xã hội như: Tặng quà cho các gia đình chính sách, hộ nghèo của xã Eapô, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông nhân dịp đón xuân Đinh Dậu 2017, hỗ trợ cho Hội nạn nhân chất độc màu da cam huyện Cư Jút và của tỉnh Đắk Nông.... Tham gia tích cực một số công tác xã hội tại địa phương.



PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Đối với kinh tế

Việc hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường đồng bộ và hiện đại có tầm quan trọng đặc biệt. Có thể chế đầy đủ, các loại thị trường sẽ phát triển mạnh với sức sống mới, được quản lý và giám sát tốt, môi trường cạnh tranh lành mạnh sẽ làm cho việc phân bổ nguồn lực của đất nước cân bằng, tạo điều kiện để tăng trưởng và phát triển kinh tế có hiệu quả cao. Công ty đang hướng đến thiết lập một hệ thống thể chế chất lượng cao và hoạt động thực tiễn có hiệu quả, vì vậy cần phải cải cách tổ chức bộ máy, thủ tục hành chính và tài chính công gắn với một hệ thống phân cấp hợp lý, hiệu quả, nâng cao chất lượng quản trị Công ty.

Bên cạnh đó Công ty luôn mong muốn hoạt động trong một môi trường cạnh tranh lành mạnh và hội nhập quốc tế, tăng cường giám sát và phát hiện các mất cân đối có thể xảy ra, bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô và an toàn hệ thống, tập trung hoàn thiện hệ thống an sinh xã hội và phúc lợi xã hội, bảo đảm mọi cán bộ công nhân viên đều được hưởng thụ thành quả tăng trưởng.

Đối với môi trường

Toàn thể Công ty nỗ lực biến nhận thức về bảo vệ môi trường thành ý thức tự giác và hành động cụ thể ở từng vị trí sản xuất. Trong bảo vệ môi trường, phải lấy phòng ngừa ô nhiễm làm phương châm hành động, khắc phục và loại bỏ tư tưởng chạy theo lợi ích kinh tế trước mắt mà coi nhẹ việc duy trì, bảo vệ và tái tạo môi trường.

Phải huy động tối đa và đa dạng hóa các nguồn lực đầu tư cho công tác bảo vệ môi trường, đẩy mạnh xã hội hóa công tác bảo vệ môi trường, phát huy tính sáng tạo của người lao động trong việc hợp lý hóa sản xuất cải thiện môi trường.







BÁO CÁO BAN GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Tình hình tài chính

Các cải tiến trong năm

Kế hoạch phát triển

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

STT	Nội dung	ĐVT	KH2016	TH2016	TH2016/ KH2016
1	Tổng sản lượng điện thương phẩm	kWh	51.000.000	59.489.707	116,65%
	Tổng doanh thu	Đồng	57.663.659.000	66.354.211.366	115,07%
	<i>Doanh thu tiền điện</i>	<i>Đồng</i>	<i>51.534.759.000</i>	<i>58.144.607.608</i>	<i>112,83%</i>
2	<i>Doanh thu tài chính (lãi tiền gửi)</i>	<i>Đồng</i>	<i>1.800.000.000</i>	<i>2.381.193.758</i>	<i>132,29%</i>
	<i>Doanh thu từ thuế tài nguyên</i>	<i>Đồng</i>	<i>3.308.900.000</i>	<i>4.638.615.861</i>	<i>140,19%</i>
	<i>Doanh thu từ phí dịch vụ môi trường</i>	<i>Đồng</i>	<i>1.020.000.000</i>	<i>1.189.794.140</i>	<i>116,65%</i>
3	Tổng chi phí	Đồng	28.274.564.000	29.805.942.694	105,42%
4	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	29.389.095.000	36.548.268.672	124,36%
5	Thuế TNDN	Đồng	1.584.010.000	2.204.080.772	139,15%
6	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Đồng	27.805.085.000	34.344.187.900	123,52%
7	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Đồng/cp	2.741	3.402	124,10%



Năm 2016 là một năm đầy khó khăn và thách thức đối với ngành Thủy điện Việt Nam nói chung và Công ty Cổ phần Thủy điện – Điện lực 3 nói riêng. Do chịu ảnh hưởng của hiện tượng Elnino kéo dài, nên hầu hết lưu lượng nước về các hồ thủy điện thấp hơn so với trung bình nhiều năm. Lượng mưa trên toàn lưu vực sông Srêpôk rất thấp so với nhiều năm trước đó, cộng với việc mùa mưa năm 2015 kết thúc khá sớm làm ảnh hưởng lớn đến việc tích nước của các hồ để chuẩn bị cho công tác vận hành năm 2016. Mặt khác, công tác sản xuất của Công ty phụ thuộc hoàn toàn vào việc vận hành của thủy điện Hòa Phú, làm lượng nước về phục vụ cho công tác sản xuất điện lúc có, lúc không đã gây ảnh hưởng trực tiếp đến sản lượng điện thương phẩm của Công ty. Có thể thấy, sản lượng điện thương phẩm 9 tháng đầu năm 2016 đã giảm mạnh so với cùng kỳ các năm về trước và chỉ đạt 59,74% so với kế hoạch đề ra từ đầu năm. Tuy công tác sản xuất kinh doanh gặp rất nhiều khó khăn khách quan, nhưng Ban Giám đốc đã chỉ đạo CBCNV tranh thủ khi có nguồn nước để vận hành nhà máy vào 3 tháng cuối năm, nên đã hoàn thành vượt 116,65% kế hoạch sản lượng mà Đại hội đồng cổ đông thường niên 2016 giao. Từ đó, giúp cho tổng doanh thu đạt vượt 115,07% so với Nghị quyết. Đạt được kết quả này là nhờ vào việc công ty kịp thời khắc phục sự cố nứt trục, hoàn thành việc xử lý sự cố đưa tổ máy vào hoạt động, khai thác hiệu quả nước về vào các tháng cuối năm.

Nhìn chung, so với mục tiêu đã đặt ra cho năm 2016, mặc dù có những khó khăn nhất định trong công tác sản xuất kinh doanh nhà máy thủy điện Đrây H'Linh 2, nhưng công ty đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu đã đề ra trong Nghị quyết ĐHCĐ thường niên, đặc biệt là cổ tức đạt 124,10%.

Luôn chủ động thực hiện công tác kiểm tra, duy tu bảo dưỡng và vận hành nhà máy, trạm biến áp, đường dây và công trình thủy công. Chủ động trong việc kiểm tra thường xuyên công tác vận hành an toàn máy móc, thiết bị của nhà máy.

Thực hiện phương án phối hợp sử dụng nguồn nước với nhà máy thủy điện Hòa phú; nhà máy thủy điện Đrây H'Linh 1 và 3, để đảm bảo nâng cao hiệu quả vận hành, tăng tối đa sản lượng và doanh thu của nhà máy thủy điện Đrây H'Linh 2.

Để tránh tình trạng dừng máy do sự cố, Ban Giám đốc đã chủ động thực hiện một số hạng mục sửa chữa, bảo dưỡng, đại tu để đảm bảo công tác vận hành được an toàn, liên tục như: Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị phụ trợ nhà máy; Nạo vét bùn, rác tại bể áp lực và cửa nhận nước; Duy tu, bảo dưỡng Tổ máy số 2 - với các nội dung được thực hiện như: Bảo dưỡng 02 servo cánh hướng của Turbin; Bảo dưỡng và thay dầu các ổ hướng dưới, ổ hướng trên, ổ tua bin; Hệ thống điều tốc; Hệ thống bơm nước kỹ thuật, bơm nước rò; Máy phát; Súc rửa các kết nước làm mát cho máy phát. Đặc biệt là công trình Đại tu tổ máy số 1 kết hợp với việc khắc phục vết nứt trục bằng phương pháp hàn được thực hiện đảm bảo chất lượng và tiến độ được phê duyệt, đem lại hiệu quả thiết thực, hạn chế đến mức thấp nhất thời gian ngừng vận hành trong khi chờ mua và thay trục mới. Công tác thí nghiệm định kỳ nhà máy thủy điện Đrây H'Linh 2 được quan tâm thực hiện một cách có chất lượng; Công tác bảo dưỡng, thí nghiệm trạm biến áp nâng để chẩn đoán và ngăn ngừa các sự cố thiết bị có thể xảy. Tổ chức khắc phục các tồn tại sau thí nghiệm định kỳ nhà máy thủy điện Đrây H'linh 2 năm 2016.

Chủ động thực hiện công tác mua sắm vật tư thiết bị dự phòng phục vụ xử lý sự cố và sản xuất kịp thời. Thực hiện đầy đủ các chế độ báo cáo đột xuất và định kỳ đến các Sở, Ban ngành địa phương để đảm bảo công tác quản lý và vận hành đúng theo quy định của pháp luật.



Công tác tài chính

Trong năm, với nguồn tiền nhàn rỗi, công ty gửi tiết kiệm có kỳ hạn nhằm mục đích sử dụng nguồn tiền an toàn và hiệu quả, làm tăng doanh thu cho công ty.

Thực hiện theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2016 và các Quyết định của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc đã xem xét dòng tiền và tiến hành chốt danh sách cổ đông thực hiện chi trả các đợt cổ tức bằng tiền với tổng tỷ lệ chi trả đạt 32%/cổ phiếu, trong đó:

+ Đợt 1 vào tháng 5/2016: 12,00%;

+ Đợt 2 vào tháng 01/2017: 20,00%.

Đối với Tổng chi phí tăng 5,42% là do phần tăng của Thuế Tài nguyên nước và Phí DVMT rừng tương ứng với phần sản lượng điện thương phẩm vượt.



Công tác quản lý kỹ thuật, an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ, phòng chống bão lụt

- Công tác quản lý thiết bị vẫn được duy trì theo nề nếp, vật tư thiết bị dự phòng luôn được chuẩn bị đầy đủ để thay thế kịp thời những hư hỏng đảm bảo cho vận hành được liên tục.
- Tiếp tục hiệu chỉnh một số quy trình vận hành cho phù hợp hơn với thực tế sản xuất của Công ty. Biên soạn bổ sung các quy định về công tác sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị của nhà máy. Tiếp tục củng cố và hoàn thiện hồ sơ quản lý kỹ thuật, hồ sơ kỹ thuật an toàn - vệ sinh lao động.
- Công tác an toàn trong vận hành hệ thống luôn được chú trọng, tuân thủ nghiêm chế độ phiếu thao tác, phiếu công tác; Tổ chức huấn luyện và sát hạch các chức danh thực hiện phiếu thao tác - phiếu công tác cho tất cả công nhân vận hành và cán bộ quản lý.
- Đặc biệt chú trọng đến công tác kiểm định và tổ chức huấn luyện; kiểm tra sát hạch định kỳ cho công nhân về vận hành các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động.
- Công tác phòng chống cháy nổ, phòng chống bão lụt luôn được quan tâm và gắn liền với công tác vận hành an toàn nhà máy. Vì thế, công ty đã chủ động tổ chức huấn luyện và diễn tập phương án PCCN, phòng chống bão lụt, đồng thời mua bổ sung các thiết bị phòng cháy chữa cháy cho nhà máy theo Phương án đã được duyệt.
- Công tác bồi dưỡng và nâng cao tay nghề cho công nhân vận hành luôn được chú trọng và được tổ chức đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên. Trong năm đã thực hiện bồi dưỡng nghề và tổ chức thi sát hạch nghề cho tất công nhân vận hành của nhà máy.
- Công tác BHLĐ được công ty quan tâm thực hiện chu đáo. Các chế độ phụ cấp ca 3, phụ cấp làm thêm giờ, trang bị trang cụ an toàn... được thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật.
- Công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ, khám bệnh nghề nghiệp cho toàn thể CBCNV của công ty, kết quả 100% CBCNV đều đảm bảo sức khỏe để đảm đương công việc được giao.

Công tác khác

- Tổ chức, sắp xếp bổ nhiệm các vị trí chủ chốt trong bộ máy quản lý theo đúng Điều lệ hoạt động và Quy chế quản trị của công ty.
- Công tác công bố thông tin trên thị trường chứng khoán: Việc minh bạch thông tin trên thị trường chứng khoán là một việc rất quan trọng để tạo được niềm tin đối với nhà đầu tư. Nên trong thời gian qua Công ty đã thực hiện rất tốt công tác công bố và minh bạch thông tin đúng theo quy định của pháp luật.
- Năm 2016 Công ty được Hiệp hội Các nhà Quản trị Tài chính Việt Nam (VAFE) bình chọn và công nhận là: Doanh nghiệp niêm yết có hoạt động Quan hệ Nhà đầu tư (IR) tốt nhất năm 2016.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG TÀI SẢN

Cơ cấu sử dụng tài sản

(tính đến ngày 31/12/2016)

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	TH2016/TH2015	Tỷ trọng 2015	Tỷ trọng 2016
Tài sản ngắn hạn	73.317.943.692	83.276.314.149	113,58%	54,80%	61,41%
Tài sản dài hạn	60.465.557.394	52.336.273.478	86,56%	45,20%	38,59%
Tổng tài sản	133.783.501.086	135.612.587.627	101,37%	100%	100%

(ĐVT: đồng)

Tổng tài sản năm 2016 tăng 1,37% so với năm 2015, trong đó tuy tài sản ngắn hạn tăng 13,58% nhưng tài sản dài hạn lại giảm 13,44% so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân chủ yếu là do trong năm 2016, Công ty không đầu tư mua thêm tài sản cố định hữu hình, các khoản khấu hao trong năm dẫn đến giá trị tài sản dài hạn tại thời điểm 31/12/2016 giảm so với năm 2015. Bên cạnh đó, các khoản tiền gửi kỳ hạn dưới 3 tháng góp phần làm tăng tài sản ngắn hạn của Công ty.



Giá trị tài sản cố định hữu hình của Công ty

(tính đến ngày 31/12/2016)

Tài sản cố định hữu hình	Nguyên giá	Khấu hao	Giá trị còn lại	GTCL/ Nguyên giá
Nhà cửa, vật kiến trúc	60.894.796.964	16.839.327.409	44.055.469.555	72,35%
Máy móc, thiết bị	86.753.966.049	81.893.604.107	4.860.361.942	5,60%
Phương tiện vận tải truyền dẫn	1.526.598.546	724.083.958	802.514.588	52,57%
Thiết bị, dụng cụ quản lý	439.822.909	209.829.438	229.993.471	52,29%
TSCĐ khác	1.467.246.471	1.119.393.671	347.852.800	23,71%
Tổng cộng	151.082.430.939	100.786.238.583	50.296.192.356	33,29%

(ĐVT: đồng)

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN

Cơ cấu sử dụng vốn

(tính đến ngày 31/12/2016)

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	TH2016/TH2015	Tỷ trọng 2015	Tỷ trọng 2016
Nợ phải trả	24.973.570.768	5.882.236.925	23,55%	18,67%	4,34%
Vốn chủ sở hữu	108.809.930.318	129.730.350.702	119,23%	81,33%	95,66%
Tổng nguồn vốn	133.783.501.086	135.612.587.627	101,37%	100%	100%

(ĐVT: đồng)

Cơ cấu sử dụng nợ

(tính đến ngày 31/12/2016)

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	TH2016/TH2015	Tỷ trọng 2015	Tỷ trọng 2016
Nợ ngắn hạn	24.973.570.768	5.882.236.925	23,55%	100%	100%
Nợ dài hạn	-	-	-	0%	0%
Tổng nợ phải trả	24.973.570.768	5.882.236.925	23,55%	100%	100%

(ĐVT: đồng)



CÁC CẢI TIẾN TRONG NĂM

Cải tiến về cơ cấu tổ chức

Bộ máy quản lý gọn nhẹ mà hiệu quả, đội ngũ CBCNV trẻ, khoẻ, có trình độ chuyên môn vững vàng, được đào tạo bài bản, nhiệt tình, có trách nhiệm trong công việc và có tinh thần đoàn kết tập thể rất cao.

Chất lượng của đội ngũ quản lý được chú trọng nâng cao bằng nhiều chương trình đào tạo cơ bản và thực tế bằng nhiều hình thức.

Kiểm soát chi phí

Trong năm công ty đã xây dựng các kế hoạch tài chính, kế hoạch chi phí và cùng với Ban Kiểm soát công ty thực hiện tốt việc kiểm soát các loại chi phí một cách hợp lý hợp lệ, cắt giảm các chi phí không cần thiết, từ đó nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty, đảm bảo tỷ lệ chi trả cổ tức cho cổ đông vượt kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông giao.

Các biện pháp kiểm soát hoạt động

Thực hiện nghiêm túc các chế độ báo cáo của Ban điều hành đối với Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát. Các báo cáo với các cơ quan cấp trên và Ban, Ngành liên quan, đặc biệt là đối với Ủy ban chứng khoán nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh theo đúng các quy định của pháp luật.



KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN

- o Quản lý vận hành và khai thác an toàn, hiệu quả nhà máy thủy điện Đrây Hlinh 2.
- o Phối hợp với Tổng Công ty Điện lực miền Trung, Nhà máy thủy điện Đrây H'Linh 3 để đề nghị điều chỉnh Quy trình vận hành hồ chứa cho phù hợp với thực tế việc nhà máy thủy điện Hòa phú vào vận hành làm ảnh hưởng đến lượng nước về phục vụ cho công tác sản xuất điện, đồng thời chủ động phối hợp với các nhà máy tại cụm Đrây H'Linh để khai thác tốt nguồn nước phát điện vào giờ cao điểm mùa khô.
- o Liên hệ, đàm phán với Tập đoàn Điện lực Dong Fang (DEC) để mua và tiến hành thay thế trực chính và các phụ kiện kèm theo trục của tổ máy số 1 nhà máy thủy điện Đrây Hlinh 2, nhằm đảm bảo cho tổ máy vận hành ổn định lâu dài. (Hội đồng quản trị đã giao cho Giám đốc lập phương án cụ thể trình HĐQT vào phiên họp ngày 24/03/2017).



- o Hoàn thành việc kết nối hệ thống SCADA theo thỏa thuận với CPC trong Quý I năm 2017 (Sử dụng vốn khấu hao).
- o Triển khai xây dựng lắp đặt hệ thống xử lý bể chứa nước rò trước khi xả ra hạ lưu. (Sử dụng vốn khấu hao).
- o Triển khai một cách nhanh chóng, chất lượng và hợp lý về mặt thời gian các hạng mục thuộc công trình: Bảo dưỡng và thí nghiệm định kỳ nhà máy thủy điện Đrây Hlinh 2 năm 2017.
- o Tiếp tục duy trì và nâng cao công tác quản lý tài chính, quản lý kỹ thuật, an toàn - vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ, phòng chống bão lũ..
- o Tái khởi động triển khai dự án thủy điện Đrây H'Linh 4 (nếu được sự đồng ý của Đại hội đồng cổ đông).
- o Thực hiện đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ của công ty đối với địa phương.



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá các mặt hoạt động của Công ty

Đánh giá hoạt động của Ban Giám đốc

Kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị

ĐÁNH GIÁ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Đối với ngành thủy điện trong năm 2016, tình hình khí tượng thủy văn không thuận lợi, khô hạn khốc liệt kéo dài trong hơn 6 tháng đầu năm kết hợp với lượng mưa quá thấp của năm 2015, làm cho tổng lượng dòng chảy đến các hồ thủy điện đều thấp, nên doanh nghiệp đầu tư thủy điện vừa và nhỏ gặp rất nhiều khó khăn.

Đối với khu vực Tây Nguyên, năm 2016 lại là một năm đặc biệt khó khăn cho công việc sản xuất thủy điện do tình hình thủy văn khô hạn. Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty phụ thuộc hoàn toàn vào nguồn nước thiên nhiên. Tuy nhiên trong năm 2015, mùa mưa ngắn mà mùa khô lại kéo dài dẫn đến nguồn nước về các hồ thấp hơn khá nhiều so với trung bình nhiều năm gây trở ngại lớn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Mặc dù đã có những biện pháp chủ động khai thác nguồn nước để vận hành nhà máy vào giờ cao điểm mùa khô, những biện pháp vận hành lòng hồ, điều động máy móc, nhân lực nhưng do nguồn nước về không đủ dẫn đến sản lượng điện thương phẩm đạt thấp so với trung bình các năm trước. Đứng trước các điều kiện khó khăn thách thức, với tinh thần quyết tâm. HĐQT, Ban Giám đốc và toàn thể CBCNV đã nỗ lực không ngừng, cố gắng hoàn thành tốt nhất nhiệm vụ mà Đại hội đồng cổ đông giao.





Năm 2016 là năm nền kinh tế có nhiều chuyển biến tích cực, nhưng lại tiếp là một năm bất lợi và thử thách trong sản xuất thủy điện tại khu vực miền Trung, Tây nguyên nói chung và tại nhà máy thủy điện Đrây Hlinh 2 nói riêng, do ảnh hưởng của El Nino gây hạn nặng, nên lượng nước về phục vụ công tác sản xuất điện thấp hơn khá nhiều so với trung bình nhiều năm. Đồng thời công tác khắc phục nứt trục chính tổ máy số 1 nhà máy thủy điện Đrây H'linh 2 cũng mất khá nhiều thời gian (6 tháng) mới đưa tổ máy vào vận hành được.

Tuy nhiên với quyết tâm hoàn thành vượt mức các mục tiêu do Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 đề ra, Hội đồng quản trị đã điều hành hết sức quyết liệt, bám sát kế hoạch để có giải pháp điều hành đồng bộ, từ đó đem lại doanh thu, lợi nhuận và cổ tức vượt kế hoạch mà ĐHCĐ công ty giao. Để thực hiện hoàn thành vượt mức những mục tiêu mà Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 giao. Hội đồng quản trị công ty đã quyết định chỉ đạo Ban Giám đốc và công ty tổ chức khắc phục vết nứt trục tổ máy số 1 bằng phương pháp hàn kết hợp với việc đại tu toàn bộ tổ máy, nhằm mục đích giảm thời gian ngừng máy trong khi đặt mua trục mới để thay thế. Tổng chi phí trong năm vượt 5,42% so với kế hoạch là do phần chi chí do Thuê Tài nguyên nước và Phí DVMT rừng tăng tương ứng với phần sản lượng điện thương phẩm vượt kế hoạch.



ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Trong năm 2016, Hội đồng quản trị đã thực hiện tốt việc giám sát, chỉ đạo Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Các Quyết định, Nghị quyết của Hội đồng quản trị chỉ đạo Ban Giám đốc đều phù hợp với phạm vi, quyền hạn của Hội đồng quản trị được quy định tại Điều lệ hoạt động của công ty và quy định của pháp luật. Ban Giám đốc và Toàn thể CBCNV đã chủ động đối mặt với khó khăn, nỗ lực thực hiện các biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh theo đúng các định hướng chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Nhưng trong năm, do tình hình thời tiết hạn hán bất thường và một số nguyên nhân khách quan như: chế độ vận hành của các nhà máy thủy điện bậc trên; sự phân chia nguồn nước giữa các nhà máy thủy điện tại cụm Đrây H'Linh, nên đã gây ra một số bất lợi cho công tác sản xuất kinh doanh. Kết quả là đã làm cho sản lượng và lợi nhuận thực hiện vượt so với các chỉ tiêu kinh tế đã đề ra trong Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016.

Công tác chỉ đạo điều hành sản xuất của công ty tiếp tục ổn định và ngày càng phát huy tác dụng, làm cho hiệu quả công việc ngày càng được cải thiện và tiết kiệm chi phí hoạt động. Công ty đã không ngừng đổi mới công tác quản lý, xây dựng văn hoá doanh nghiệp.



KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG

Trước hiện tượng El Nino vẫn đang diễn biến phức tạp, nên năm 2017 là năm mà được báo trước tình hình mùa khô sẽ kéo dài và khốc liệt đối với Tây Nguyên, mà đặc biệt là lưu vực sông SêrêPôk, đồng thời kèm theo là sự vận hành không ổn định của Nhà máy thủy điện Hòa phú. Đó là những khó khăn không nhỏ trong việc thực hiện các mục tiêu về sản lượng và lợi nhuận của công ty trong năm 2017.

Mục tiêu quan trọng và chủ yếu trong năm 2017 là duy trì ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty bằng việc vận hành an toàn và hiệu quả nhà máy thủy điện Đrây H'linh 2; Triển khai thay thế trực chính tổ máy số 1 trong thời gian ngắn nhất để giảm thời gian dừng máy; Tận dụng tốt nguồn nước để khai thác hiệu quả giá bán điện giờ cao điểm mùa khô; Quản lý và kiểm soát tốt chi phí, từ đó nâng cao doanh thu và lợi nhuận để đảm bảo cổ tức đạt từ 32% trở lên cho cổ đông.

70 triệu kWh

Sản lượng điện thương phẩm

75,851 tỷ đồng

Tổng Doanh thu

40,683 tỷ đồng

Lợi nhuận sau thuế

4.282 đồng/CP

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

40%/VĐL

Tỷ lệ chi trả cổ tức



Để thực hiện các chỉ tiêu nêu trên, sau khi được Đại hội đồng cổ đông quyết định. Hội đồng quản trị tập trung chỉ đạo thực hiện các giải pháp sau đây:

- o Chỉ đạo Ban Giám đốc bám sát và thực hiện các nội dung của Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2017, Nghị quyết và các chỉ đạo của HĐQT.
- o Chỉ đạo Giám đốc công ty phối hợp theo dõi công tác vận hành của các nhà máy thủy điện bậc trên để vận hành nhà máy thủy điện Đrây Hlinh 2, đảm bảo vận hành theo lượng nước về. Đồng thời phối hợp với các chủ đầu tư của các nhà máy thủy điện Đrây H'Linh 1 và 3 để đề nghị sửa đổi bổ sung Quy trình vận hành hồ chứa Đrây H'Linh cho phù hợp với tình hình thực tế nguồn nước vận hành khi có nhà máy thủy điện Hòa Phú, để đảm bảo trên tinh thần không lãng phí nguồn nước.
- o Chỉ đạo công tác quản lý kỹ thuật: Đại tu, sửa chữa nhà máy theo kế hoạch, sẵn sàng vận hành khi có nước. Tăng cường kỷ luật vận hành, giảm thiểu sự cố (không có sự cố chủ quan) để đạt sản lượng phát điện trong năm.
- o Chỉ đạo công tác chuẩn bị vật tư, thiết bị và nhân lực để thực hiện công tác thay trực chính tổ máy số 1 trong thời gian thích hợp.
- o Nâng cao năng suất lao động, tiết giảm chi phí để mang lại hiệu quả và lợi nhuận cao nhất cho cổ đông.
- o Tập trung cho công tác đào tạo cán bộ, tạo thế mạnh về nguồn nhân lực cho Công ty, hoàn thiện hệ thống lương, thưởng, đánh giá và quy hoạch cán bộ quản lý.
- o Chỉ đạo, nghiên cứu hoàn thành các thủ tục triển khai dự án thủy điện Đrây Hlinh 4 nếu được Đại hội đồng cổ đông thông qua chủ trương.
- o Tổ chức các phiên họp định kỳ và các cuộc họp mở rộng đột xuất để giám sát hoạt động và đảm bảo việc tuân thủ đúng các quyết định của HĐQT đối với Ba Giám đốc điều hành.



QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát

Giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BDH và BKS



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các tiêu ban thuộc Hội đồng quản trị Không có

Các cuộc họp và hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2016

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp	Lý do không tham dự
1	Ông Lê Kim Hùng	Chủ tịch	6/6	
2	Ông Nguyễn Sơn	Thành viên kiêm Giám đốc	6/6	
3	Ông Nguyễn Minh Tiến	Thành viên	6/6	
4	Ông Nguyễn Văn Đức	Thành viên	5/6	Công tác nước ngoài
5	Ông Nguyễn Đức Trọng	Thành viên	5/6	Công tác nước ngoài

Trong năm 2016, HĐQT đã tích cực thực hiện vai trò, nhiệm vụ của mình một cách nghiêm ngặt theo chuẩn mực quản trị của công ty cổ phần và duy trì hoạt động theo quy định tại Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ của Công ty. Với số lượng là 5 thành viên, HĐQT được tổ chức hoạt động chuyên trách, ra quyết định tập thể, đồng thời có sự phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên HĐQT theo từng lĩnh vực chuyên môn.

Trong năm, Hội đồng quản trị đã tiến hành tổ chức các phiên họp định kỳ, mỗi quý một lần để kiểm điểm đánh giá việc thực hiện các Nghị quyết trong thời gian qua đồng thời ra Nghị quyết lãnh đạo, chỉ đạo các nhiệm vụ cụ thể trong thời gian tới, đảm bảo bám sát các mục tiêu, yêu cầu phát triển của Công ty. Bằng sự quyết tâm cao, chủ động đối mặt với khó khăn, thách thức, HĐQT đã chỉ đạo Ban Giám đốc và toàn thể CBCNV nỗ lực thực hiện các biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh để hoàn thành đạt mức cao nhất các chỉ tiêu kinh tế và tất cả các nội dung đã đề ra trong Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2016 với mục đích đem đến lợi ích cao nhất cho các cổ đông và sự phát triển bền vững cho Công ty.

Qua các cuộc họp, HĐQT đã quyết định được các vấn đề sau:

- o Tổ chức thành công Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2016.
- o Thực hiện chi trả cổ tức phần còn lại của năm 2015 và tạm ứng cổ tức năm 2016 với tỷ lệ là 12,00%/cổ phiếu cho các cổ đông của công ty. Trong đó phần của năm 2015 là: 9,11%; năm 2016 là: 2,89%.
- o Thực hiện tạm ứng cổ tức năm 2016 với tỷ lệ là: 20%
- o Thông qua một số công việc liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo quyền hạn và chức năng của Hội đồng quản trị.

Để đảm bảo hoạt động của Công ty được thông suốt, kịp thời và đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật, trong năm 2016, Hội đồng quản trị đã ban hành các Nghị quyết liên quan đến các vấn đề quan trọng của Công ty

Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị trong năm 2016

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	04/2016/NQ-PC3HP.CO-HĐQT	29/01/2016	Tổ chức thực hiện công tác: Đại tu tổ máy số 1 và bảo dưỡng sửa chữa Nhà máy thủy điện Đrây H'Linh 2 định kỳ năm 2016
2	05/2016/NQ-PC3HP.CO-HĐQT	29/01/2016	Thông qua việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016
3	07-NQ/PC3HP.CO-HĐQT	18/02/2016	Thông qua việc thay đổi thời gian tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2016
4	09-NQ/PC3HP.CO-HĐQT	26/04/2016	Thông qua kế hoạch cụ thể cho công tác tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2016
5	10-NQ/PC3HP.CO-HĐQT	26/04/2016	Thông qua Kế hoạch Tài chính - SXKD năm 2016 trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2016
6	21/2016/NQ-PC3HP.CO-HĐQT	20/05/2016	Chi trả 12% cổ tức Trong đó: + Cổ tức còn lại 2015: 9,11%/CP + Tạm ứng cổ tức 2016: 2,89%/CP
7	33-NQ/PC3HP.CO-HĐQT	30/10/2016	Nghị quyết về phiên họp định kỳ Quý III/2016
8	34-NQ/PC3HP.CO-HĐQT	09/12/2016	Tạm ứng 20% cổ tức

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Các thành viên Hội đồng quản trị độc lập hoạt động với vai trò giám sát, luôn phản biện đối với các hoạt động của HĐQT, nhằm đảm bảo HĐQT hoạt động theo đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, phù hợp với các chủ trương, định hướng đã đề ra của ĐHĐCĐ và HĐQT.

Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không có



BAN KIỂM SOÁT

Các cuộc họp và hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2016

STT	Kiểm soát viên	Chức vụ	Số buổi họp
1	Ông Trần Thanh Hà	Trưởng Ban kiểm soát	2/2
2	Ông Hồ Thăng Thu	Kiểm soát viên	2/2
3	Bà Hoàng Thị Thu Trang	Kiểm soát viên	2/2

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động và tình hình tài chính của công ty để kịp thời có những kiến nghị phù hợp.

Kiểm tra giám sát việc quản lý điều hành Công ty thông qua việc giám sát hoạt động của HĐQT và Ban Giám đốc. Đánh giá công tác quản lý của HĐQT và Ban Giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông.

Xem xét tính phù hợp của các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, Ban Giám đốc trong công tác quản lý công ty phù hợp với quy trình triển khai thực hiện kế hoạch.

Kiểm tra báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh hàng tháng; Báo cáo tài chính Quý, Bán niên và Báo cáo tài chính kiểm toán năm.

Đánh giá của Ban kiểm soát

HĐQT và Giám đốc Công ty đã thực hiện nhiệm vụ điều hành công ty một cách trung thực, trách nhiệm, cẩn trọng, theo đúng Pháp luật, Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty và theo đúng Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đề ra. Các công việc cần triển khai theo Nghị quyết của HĐQT đều được Giám đốc Công ty thực hiện đầy đủ, đúng thủ tục theo đúng quy định của pháp luật.

Quyết định đúng đắn của HĐQT và Ban Giám đốc ty trong quá trình khắc phục sự cố nứt trục tổ máy H1 là phương án hàn trục trong khi chờ đặt mua trục mới. Chọn nhà thầu phù hợp đúng chuyên ngành, nhiệt tình và có kinh nghiệm trong những trường hợp tương tự. Công tác hàn trục diễn ra trong thời điểm không ảnh hưởng lớn đến sản lượng và doanh thu của công ty.

Do sự biến động của thời tiết nên 4 tháng cuối năm 2016 ta tận dụng được nguồn nước để chạy máy. Chính vì vậy sản lượng điện thương phẩm vượt kế hoạch đề ra 8.489.707 Kwh với tỷ lệ 16,65% dẫn đến cổ tức tăng từ 27,41% lên 34,02%.

Công tác lao động tiền lương và các công tác quản lý chi tiêu khác trong công ty đều thực hiện theo đúng các quy định của Công ty đã được HĐQT phê duyệt. Việc ký kết các hợp đồng kinh tế giữa Công ty với các tổ chức và cá nhân bên ngoài như mua vật tư, thiết bị phục vụ cho SXKD, đơn giá nhân công để thực hiện các công trình đúng theo quy định của Nhà nước, hợp đồng mua các thiết bị, vật tư có giá trị lớn đều thực hiện đúng theo Luật Đấu thầu.

GIAO DỊCH, THÙ LAO, CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích trong năm 2016 của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành

(ĐVT: đồng)

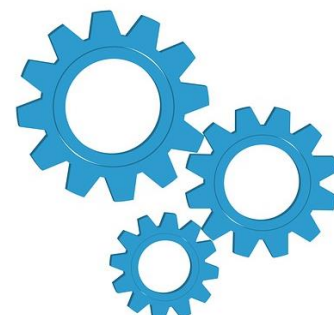
STT	Họ và tên	Chức vụ	Lương	Thưởng	Thù lao/ Lợi ích khác
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ			-	85.000.000	276.000.000
1	Lê Kim Hùng	Chủ tịch	-	25.000.000	84.000.000
	Nguyễn Sơn	Thành viên	-	15.000.000	48.000.000
	Nguyễn Minh Tiến	Thành viên	-	15.000.000	48.000.000
	Nguyễn Văn Đức	Thành viên	-	15.000.000	48.000.000
	Nguyễn Đức Trọng	Thành viên	-	15.000.000	48.000.000
	BAN KIỂM SOÁT			189.600.000	35.000.000
2	Trần Thanh Hà	Trưởng ban	189.600.000	15.000.000	-
	Hồ Thăng Thu	Thành viên	-	10.000.000	36.000.000
	Hoàng Thị Thu Trang	Thành viên	-	10.000.000	36.000.000
BAN ĐIỀU HÀNH			766.487.717	157.850.659	-
3	Nguyễn Sơn	Giám đốc	286.281.244	62.722.208	-
	Võ Đình Thanh Tuấn	Phó giám đốc	223.667.339	46.541.657	-
	Phạm Đức Hùng	Kế toán trưởng	256.539.134	48.586.794	-
TỔNG CỘNG			956.087.717	277.850.659	348.000.000

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ Không có

Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Công ty đã tuân thủ và thực hiện tốt việc Quản trị công ty theo qui định theo Quy chế nội bộ và quy định của pháp luật đối với công ty niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán.

Các thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Giám đốc điều hành, các cán bộ quản lý khác và Thư ký công ty đã tham gia khóa đào tạo về quản trị công ty theo quy định về quản trị công ty.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2016

Ý kiến của Cơ quan kiểm toán

Báo cáo tài chính và Thuyết minh Báo cáo tài chính 2016



Số: 119 / 2017 / BCKT-AAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Thủy điện – Điện lực 3**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện – Điện lực 3 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 06/02/2017, từ trang 5 đến trang 23, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Kết luận của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC

T.N.H.H

KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN

AAC

Lâm Quang Tú – Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1031-2013-010-1

Đà Nẵng, ngày 27 tháng 2 năm 2017

Ngô Thị Kim Anh – Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1100-2013-010-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu số B 01 - DN
 Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		83.276.314.149	73.317.943.692
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		70.064.292.321	56.224.344.317
1. Tiền	111	5	31.975.889	146.610.739
2. Các khoản tương đương tiền	112	6	70.032.316.432	56.077.733.578
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		12.417.761.582	16.134.193.998
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	12.024.338.535	15.767.211.237
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		54.464.072	83.339.072
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	806.817.376	751.502.090
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(467.858.401)	(467.858.401)
IV. Hàng tồn kho	140		794.260.246	959.405.377
1. Hàng tồn kho	141	9	794.260.246	959.405.377
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		52.336.273.478	60.465.557.394
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		50.375.958.485	60.266.333.494
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	50.296.192.356	60.266.333.494
- Nguyên giá	222		151.082.430.939	151.082.430.939
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(100.786.238.583)	(90.816.097.445)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	79.766.129	-
- Nguyên giá	228		121.000.000	40.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(41.233.871)	(40.000.000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.960.314.993	199.223.900
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	1.655.591.093	130.000.000
2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		304.723.900	69.223.900
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		135.612.587.627	133.783.501.086



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		5.882.236.925	24.973.570.768
I. Nợ ngắn hạn	310		5.882.236.925	24.973.570.768
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	217.678.131	227.948.531
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	1.344.807.419	2.419.612.062
3. Phải trả người lao động	314		2.046.244.779	1.131.411.197
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	944.680.020	671.043.260
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	16	51.628.755	19.050.553.155
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.277.197.821	1.473.002.563
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		129.730.350.702	108.809.930.318
I. Vốn chủ sở hữu	410		129.730.350.702	108.809.930.318
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	17	95.000.000.000	95.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		95.000.000.000	95.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414	17	1.462.308.448	1.462.308.448
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	17	3.689.983.751	3.689.983.751
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	17	29.578.058.503	8.657.638.119
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		3.138.119	5.056.450
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		29.574.920.384	8.652.581.669
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		135.612.587.627	133.783.501.086



Nguyễn Sơn

Đăk Nông, ngày 06 tháng 02 năm 2017

Kế toán trưởng

Phạm Đức Hùng

Người lập biểu

Nguyễn Thị Bích Ngọc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu số B 02 - DN
 Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	18	63.973.017.608	63.245.953.660
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		63.973.017.608	63.245.953.660
4. Giá vốn hàng bán	11	19	25.235.850.978	24.613.045.916
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		38.737.166.630	38.632.907.744
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	2.381.193.758	2.000.253.913
7. Chi phí tài chính	22		-	-
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	21	4.570.091.716	3.824.836.942
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		36.548.268.672	36.808.324.715
11. Thu nhập khác	31		-	309.710.331
12. Chi phí khác	32		-	246.797.273
13. Lợi nhuận khác	40		-	62.913.058
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		36.548.268.672	36.871.237.773
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	22	2.204.080.772	2.211.256.868
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		34.344.187.900	34.659.980.905
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	23	3.402	3.429
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	23	3.402	3.429



Nguyễn Sơn

Đắk Nông, ngày 06 tháng 02 năm 2017

Kế toán trưởng

Phạm Đức Hùng

Người lập biểu

Nguyễn Thị Bích Ngọc



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01		66.468.356.429	56.774.126.418
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02		(9.085.980.661)	(11.698.484.203)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(5.612.853.216)	(5.223.514.299)
4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	14	(3.266.740.865)	(2.076.918.666)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		6.987.410.516	259.952.008
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(14.431.344.622)	(6.233.920.453)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		41.058.847.581	31.801.240.805
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21		(81.000.000)	(1.423.003.818)
2. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22		907.272.727	244.717.273
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	8,20	2.354.827.696	1.921.515.971
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		3.181.100.423	743.229.426
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ PH cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		-	-
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(30.400.000.000)	(33.250.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(30.400.000.000)	(33.250.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		13.839.948.004	(705.529.769)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5,6	56.224.344.317	56.929.874.086
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5,6	70.064.292.321	56.224.344.317



Nguyễn Sơn

Đắk Nông, ngày 06 tháng 02 năm 2017

Kế toán trưởng

Phạm Đức Hùng

Người lập biểu

Nguyễn Thị Bích Ngọc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành
và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo TT số 200/2014/TT – BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

1. Đặc điểm hoạt động**1.1. Khái quát chung**

Công ty Cổ phần Thủy điện - Điện lực 3 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3203000163 ngày 20 tháng 11 năm 2003 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 4 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 17 tháng 12 năm 2014 với mã số doanh nghiệp là 0400456277. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Công ty được chấp nhận niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 35/2012/QĐ – SGDHCM ngày 30/03/2012 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán DRL. Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu là ngày 11/04/2012.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: Sản xuất và kinh doanh điện năng.**1.3. Ngành nghề kinh doanh**

- Đầu tư xây dựng các dự án thủy điện
 - Xây dựng các công trình đường dây, trạm biến thế điện
 - Đầu tư xây dựng các dự án điện
 - Sản xuất và kinh doanh điện năng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác
 - Xây dựng các công trình thủy lợi, công trình dân dụng, công nghiệp;
- Đầu tư xây dựng các dự án thủy điện; Tư vấn các công trình điện. (Công ty chỉ được phép kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật đối với ngành, nghề kinh doanh có điều kiện đã cấp ở trên).

2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu**4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.2 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng được trích lập tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản phải thu đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá gốc nguyên vật liệu bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.4 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	5 – 50
Máy móc, thiết bị	6 - 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5
Tài sản cố định khác	8

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***4.5 Tài sản cố định vô hình*****Nguyên giá***

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Phần mềm máy tính	3

4.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty :

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.7 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

4.8 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa. Chi phí phải trả phát sinh tại Công ty là tiền dịch vụ môi trường rừng: được xác định dựa vào sản lượng điện đã phát (kw) và đơn giá chi trả dịch vụ môi trường rừng (20đ/kwh).

4.9 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

4.10 Ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán điện thương phẩm được ghi nhận căn cứ vào hồ sơ xác nhận sản lượng điện năng phát vào lưới điện quốc gia và đơn giá quy định tại Hợp đồng kinh tế số 05/2011/Đrây H'Linh 2/EVN CPC-CF TĐ ĐL 3 ngày 31/05/2011 với Tổng Công ty Điện lực Miền Trung. Đơn giá cụ thể áp dụng theo Biểu giá chi phí tránh được do Cục Điều tiết Điện lực Việt Nam ban hành hàng năm.
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

4.11 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

4.12 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.13 Chi phí thuế TNDN hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***4.14 Công cụ tài chính****Ghi nhận ban đầu***Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, phải thu khách hàng và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.15 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế giá trị gia tăng: Áp dụng mức thuế suất 10% đối với hoạt động bán điện thương phẩm.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Công ty được hưởng ưu đãi đối với dự án thủy điện như sau:
 - Được hưởng thuế suất ưu đãi là 10% trong 15 năm kể từ khi dự án đầu tư bắt đầu hoạt động kinh doanh. Nhà máy điện ĐRâyH'Linh 2 đi vào hoạt động từ tháng 2 năm 2007, do vậy Công ty được hưởng thuế suất ưu đãi 10% từ năm 2007 đến năm 2021.
 - Được miễn thuế 4 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo kể từ khi Công ty có phát sinh thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. Năm 2007 là năm đầu tiên Công ty có thu nhập chịu thuế, theo đó Công ty được miễn thuế trong 4 năm (2007- 2010) và được giảm 50% trong 9 năm tiếp theo (2011-2019).

Những ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp trên đây được quy định tại Nghị định số 124/2008/NĐ - CP ngày 11/12/2008 của Chính phủ.

- Thuế nhập khẩu và tiền thuê đất
 - Được miễn thuế nhập khẩu đối với máy móc thiết bị nhập khẩu để tạo tài sản cố định mà trong nước chưa sản xuất được (có danh mục máy móc, thiết bị kèm theo).
 - Theo Hợp đồng thuê đất số 21/HĐTD ngày 23/07/2009 thì Công ty đã ký hợp đồng thuê 220.352 m2 đất với thời hạn 50 năm (từ ngày 01/07/2004 đến ngày 01/07/2054) tại xã Ea pô, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông để xây dựng nhà máy thủy điện Đrây H'Linh 2. Công ty được miễn tiền thuê đất trong 13 năm từ năm 2004 đến năm 2016.

Những ưu đãi về thuế nhập khẩu, tiền thuê đất được quy định trong Giấy chứng nhận đầu tư số 63121000107 ngày 27/06/2012 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Đắk Nông.

- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.16 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Đơn vị tính: VND

5. Tiền

	31/12/2016	01/01/2016
Tiền mặt	4.554.368	91.193.113
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	27.421.521	55.417.626
Cộng	31.975.889	146.610.739

6. Các khoản tương đương tiền

	31/12/2016	01/01/2016
Tiền gửi kỳ hạn không quá 3 tháng	70.032.316.432	56.077.733.578
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đắk Lắk	2.000.000.000	11.400.000.000
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương - CN Đắk Lắk	2.200.000.000	4.200.000.000
- Ngân hàng TMCP Công Thương - CN Đắk Lắk	46.400.000.000	30.100.000.000
- Công ty Tài chính Cổ phần Điện Lực - CN Đà Nẵng	19.432.316.432	10.377.733.578
Cộng	70.032.316.432	56.077.733.578

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2016	01/01/2016
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	12.024.338.535	15.767.211.237
Cộng	12.024.338.535	15.767.211.237

8. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Lãi dự thu	283.031.285	-	256.665.223	-
Phải thu người lao động thuế TNCN	47.927.690	-	26.978.466	-
Tạm ứng	8.000.000	-	-	-
Công ty CP Đầu tư và XD Miền Trung	467.858.401	467.858.401	467.858.401	467.858.401
Cộng	806.817.376	467.858.401	751.502.090	467.858.401

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	794.260.246	-	959.405.377	-
Cộng	794.260.246	-	959.405.377	-

Không có hàng tồn kho ứ đọng, kém phẩm chất và hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ tại thời điểm 31/12/2016.

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	60.894.796.964	86.753.966.049	1.526.598.546	439.822.909	1.467.246.471	151.082.430.939
Mua sắm trong năm	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số cuối năm	60.894.796.964	86.753.966.049	1.526.598.546	439.822.909	1.467.246.471	151.082.430.939
Khấu hao						
Số đầu năm	15.034.580.557	74.198.723.618	542.952.142	103.853.273	935.987.855	90.816.097.445
Khấu hao trong năm	1.804.746.852	7.694.880.489	181.131.816	105.976.165	183.405.816	9.970.141.138
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Số cuối năm	16.839.327.409	81.893.604.107	724.083.958	209.829.438	1.119.393.671	100.786.238.583
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	45.860.216.407	12.555.242.431	983.646.404	335.969.636	531.258.616	60.266.333.494
Số cuối năm	44.055.469.555	4.860.361.942	802.514.588	229.993.471	347.852.800	50.296.192.356

- Không có TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay tại ngày 31/12/2016.
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2016 là 64.335.802.678 đồng.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

	Phần mềm kế toán	Cộng
Nguyên giá		
Số đầu năm	40.000.000	40.000.000
Mua trong năm	81.000.000	81.000.000
Thanh lý, nhượng bán	-	-
Số cuối năm	121.000.000	121.000.000
Khấu hao		
Số đầu năm	40.000.000	40.000.000
Khấu hao trong năm	1.233.871	1.233.871
Thanh lý, nhượng bán	-	-
Số cuối năm	41.233.871	41.233.871
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	-	-
Số cuối năm	79.766.129	79.766.129

Nguyên giá TSCĐVH đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2016 là 40.000.000 đồng.

12. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2016	01/01/2016
Chi phí sửa chữa máy biến áp 10.000 KVA	-	130.000.000
Chi phí sửa chữa trục roto	647.992.000	-
Chi phí đại tu tổ máy HI	1.007.599.093	-
Cộng	1.655.591.093	130.000.000

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2016	01/01/2016
Công ty TNHH MTV CN Môi trường Bình Phước Xanh	-	26.470.400
Công ty TNHH cơ khí tây nguyên	16.200.000	-
Bảo Việt Đà Nẵng	89.150.273	89.150.273
Các đối tượng khác	112.327.858	112.327.858
Cộng	217.678.131	227.948.531

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

14. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Số đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế giá trị gia tăng	622.096.111	6.397.301.762	6.513.392.228	506.005.645
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.466.740.865	2.204.080.772	3.266.740.865	404.080.772
Thuế thu nhập cá nhân	61.258.466	1.154.794.010	1.163.164.786	52.887.690
Thuế tài nguyên	269.516.620	4.638.615.860	4.526.299.168	381.833.312
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	2.419.612.062	14.397.792.404	15.472.597.047	1.344.807.419

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2016	01/01/2016
Phí môi trường rừng	944.680.020	671.043.260
Cộng	944.680.020	671.043.260

16. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2016	01/01/2016
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	-	19.000.000.000
Phải trả khác	51.628.755	50.553.155
Cộng	51.628.755	19.050.553.155

17. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2015	95.000.000.000	1.462.308.448	3.689.983.751	9.334.056.450	109.486.348.649
Tăng trong năm	-	-	-	34.659.980.905	34.659.980.905
Giảm trong năm	-	-	-	35.336.399.236	35.336.399.236
Số dư tại 31/12/2015	95.000.000.000	1.462.308.448	3.689.983.751	8.657.638.119	108.809.930.318
Số dư tại 01/01/2016	95.000.000.000	1.462.308.448	3.689.983.751	8.657.638.119	108.809.930.318
Tăng trong năm	-	-	-	34.344.187.900	34.344.187.900
Giảm trong năm	-	-	-	13.423.767.516	13.423.767.516
Số dư tại 31/12/2016	95.000.000.000	1.462.308.448	3.689.983.751	29.578.058.503	129.730.350.702



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Cổ phiếu

	31/12/2016	01/01/2016
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.500.000	9.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	9.500.000	9.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	9.500.000	9.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.500.000	9.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	9.500.000	9.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND		

c. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm 2016	Năm 2015
Lợi nhuận kỳ trước chuyển sang	8.657.638.119	9.334.056.450
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ này	34.344.187.900	34.659.980.905
Phân phối lợi nhuận	13.423.767.516	35.336.399.236
- Phân phối lợi nhuận kỳ trước	8.654.500.000	9.329.000.000
+ Trả cổ tức cho cổ đông	8.654.500.000	9.329.000.000
- Tạm phân phối lợi nhuận kỳ này	4.769.267.516	26.007.399.236
+ Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.023.767.516	2.086.399.236
+ Trả cổ tức cho các cổ đông	2.745.500.000	23.921.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	29.578.058.503	8.657.638.119

Công ty phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2015 và tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2016 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2016 số 20 – NQ/PC3HP.Co-ĐHCĐ ngày 20/05/2016.

d. Cổ tức

Nghị quyết 21/2016/NQ/PC3HP.Co-HĐQT của Hội đồng quản trị ngày 20/05/2016 đã quyết định chi trả phần cổ tức còn lại của năm 2015 bằng tiền là 9,11%/cổ phiếu (tương ứng 8.654.500.000 đồng) và tạm ứng cổ tức năm 2016 bằng tiền là 2,89%/cổ phiếu (tương ứng 2.745.000.000 đồng). Theo đó, ngày đăng ký cuối cùng là 08/06/2016 và thực hiện chi trả từ ngày 20/06/2016.

18. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2016	Năm 2015
Doanh thu bán điện thương phẩm	63.973.017.608	63.245.953.660
Cộng	63.973.017.608	63.245.953.660

19. Giá vốn hàng bán

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

	Năm 2016	Năm 2015
Giá vốn bán điện thương phẩm	25.235.850.978	24.613.045.916
Cộng	25.235.850.978	24.613.045.916

20. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2016	Năm 2015
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.381.193.758	2.000.253.913
Cộng	2.381.193.758	2.000.253.913

21. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2016	Năm 2015
Chi phí nguyên vật liệu, công cụ	247.248.709	336.144.720
Chi phí nhân viên quản lý	1.761.273.990	1.550.550.639
Thù lao HDQT, BKS, thư ký	368.000.000	442.400.000
Chi phí tiếp khách, hội nghị, khánh tiết	191.440.911	240.571.730
Các khoản khác	2.002.128.106	1.255.169.853
Cộng	4.570.091.716	3.824.836.942

22. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2016	Năm 2015
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	36.548.268.672	36.871.237.773
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	359.765.496	553.036.273
- Điều chỉnh tăng	359.765.496	553.036.273
+ Chi phí không hợp lệ	131.765.496	325.036.273
+ Thù lao HDQT, BKS không trực tiếp điều hành	228.000.000	228.000.000
- Điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	36.908.034.168	37.424.274.046
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.204.080.772	2.211.256.868
<i>Trong đó:</i>		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	2.204.080.772	2.211.256.868
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	-	-



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

23. Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2016	Năm 2015
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	34.344.187.900	34.659.980.905
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	(2.023.767.516)	(2.086.399.236)
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm (trích quỹ khen thưởng phúc lợi)	2.023.767.516	2.086.399.236
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	32.320.420.384	32.573.581.669
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	9.500.000	9.500.000
Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu	3.402	3.429

24. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2016	Năm 2015
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	450.233.280	515.896.949
Chi phí nhân công	6.790.650.815	5.785.772.554
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.971.375.009	10.548.454.041
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.720.906.505	7.114.084.901
Chi phí khác bằng tiền	6.872.777.103	4.473.674.413
Cộng	29.805.942.712	28.437.882.858

25. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất điện năng và một bộ phận địa lý chính là Tỉnh Đắk Nông, Việt Nam.

26. Quản lý rủi ro

Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về giá.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***Quản lý rủi ro về giá**

Công ty mua nguyên liệu từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá của nguyên liệu đầu vào. Tuy nhiên, chi phí nguyên liệu chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng giá thành sản phẩm nên Công ty cho rằng rủi ro về giá trong hoạt động sản xuất kinh doanh là ở mức thấp.

Quản lý rủi ro tín dụng

Khách hàng duy nhất của Công ty là Tổng Công ty Điện lực Miền Trung. Với đặc thù kinh doanh mua bán điện tại Việt Nam, Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu với khách hàng.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

Đơn vị tính: VND

31/12/2016	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	217.678.131	-	217.678.131
Chi phí phải trả	944.680.020	-	944.680.020
Phải trả khác	51.628.755	-	51.628.755
Cộng	1.213.986.906	-	1.213.986.906
01/01/2016	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	227.948.531	-	227.948.531
Chi phí phải trả	671.043.260	-	671.043.260
Phải trả khác	19.050.553.155	-	19.050.553.155
Cộng	19.949.544.946	-	19.949.544.946

Ban Giám đốc cho rằng Công ty hầu như không rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

31/12/2016	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	70.064.292.321	-	70.064.292.321
Phải thu khách hàng	12.024.338.535	-	12.024.338.535
Phải thu khác	283.031.285	-	283.031.285
Cộng	82.371.662.141	-	82.371.662.141
01/01/2016	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	56.224.344.317	-	56.224.344.317
Phải thu khách hàng	15.767.211.237	-	15.767.211.237
Phải thu khác	283.643.689	-	283.643.689
Cộng	72.275.199.243	-	72.275.199.243

27. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

	Mối quan hệ
Tổng công ty Điện lực Miền Trung	Công ty đầu tư

b. Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ gồm:

Giao dịch	Năm 2016	Năm 2015
Doanh thu bán điện thương phẩm	63.973.017.608	63.245.953.660

c. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu, phải trả với các bên liên quan như sau:

	Khoản mục	31/12/2016	01/01/2016
Tổng công ty Điện lực Miền Trung	Phải thu khách hàng	12.024.338.535	15.767.211.237

d. Thu nhập các thành viên quản lý chủ chốt

	Năm 2016	Năm 2015
Hội đồng quản trị	276.000.000	176.000.000
Ban giám đốc	706.974.925	670.469.207
Ban kiểm soát	92.000.000	120.000.000

28. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

29. Số liệu so sánh

Là số liệu trong Báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán bởi AAC.



Nguyễn Sơn

Đăk Nông, ngày 06 tháng 02 năm 2017

Kế toán trưởng

A blue ink signature of Phạm Đức Hùng.

Phạm Đức Hùng

Người lập biểu

A blue ink signature of Nguyễn Thị Bích Ngọc.

Nguyễn Thị Bích Ngọc





Đắk Nông, ngày 20 tháng 03 năm 2017

CHỮ KÝ CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

